

Bản án số: 183/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 6 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Kim Loan

Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Nguyễn Thị
Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 628/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975

HKTT: Số 83B/1, khu phố L, phường L1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Công ty F Co,LTD KCN B, đường số 13A, B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh S, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 83B/1, khu phố L, phường L1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S, ông S có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Phan Thanh S tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau

có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại UBND xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi sinh con gái đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sự tác động của gia đình nhà chồng, sau này vợ chồng chuyển vào Nam lập nghiệp thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì ông Sử là người nóng tính mỗi lần uống rượu vào là ông chửi bới vợ con và đánh đập bà. Ông Sử đánh đập bà, bà có trình báo Công an phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa tới giải quyết và bà cũng đã cho ông Sử cơ hội nhiều lần để thay đổi nhưng ông Sử vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi. Bà thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà xác định tình cảm của bà dành cho ông Sử không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Sử.

Về con chung: Có 03 chung là Phan Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/1993, Phan Hải B, sinh ngày 20/7/1998 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 14/7/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Sử thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thị Thanh H1. Tạm thời không yêu cầu ông Sử cấp dưỡng nuôi cháu H1. Đối với cháu Phan Thị Khánh H và Phan Hải B đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

1/ 01 căn nhà cấp 4 số diện tích 96m² (ngang 6m x 16m) gắn liền với quyền sử dụng đất tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng ngày 21/9/1996, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất. Trị giá nhà khoảng 700.000.000đồng;

2/ Quyền sử dụng đất số 299, tờ bản đồ số 10, tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị lô đất khoảng 300.000.000đồng;

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng khoảng 1.000.000.000đồng.

Ly hôn bà yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên tạm tính khoảng 500.000.000đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà S rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đồng ý nộp tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 07/4/2023, biên bản làm việc ngày 21/4/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh Sử trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung ông đồng ý với phần trình bày của bà S.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, chuyện cãi vã là có thật, việc mâu thuẫn vợ chồng thì không thể tránh, bởi ông là người nóng tính nên khi bà S có lời nói quá đáng đối với ông thì ông có tát bà S, việc đánh bà S không xảy ra thường xuyên mà chỉ vài ba tháng một lần khi vợ chồng có mâu thuẫn. Bà S có báo Công an phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa đến giải quyết, nhưng chỉ là mâu thuẫn vợ chồng nên Công an chỉ đến khuyên giải chứ không lập biên bản sự việc. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, vì ông vẫn còn tình cảm với bà S.

Về con chung: Có 03 chung là Phan Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/1993, Phan Hải B, sinh ngày 20/7/1998 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 14/7/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho bà S ly hôn với ông thì ông đồng ý giao cháu Phan Thị Thanh H1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phan Thị Khánh H và Phan Hải B, sinh ngày 20/7/1998 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay của bà Trần Thị Tình số tiền 30.000.000đồng vào năm 2019. Tuy nhiên, trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vợ chồng ông đã thanh toán khoản nợ trên cho bà Tình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đồng ý với yêu cầu rút toàn bộ phần chia tài sản chung của bà S, ông không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm B theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà S và ông Sử phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông Sử cho rằng vẫn còn thương yêu bà S nhưng tại phiên tòa ông không đưa ra được phương án nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà S; giao con chung là cháu Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 14/7/2010 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời ông Sử không phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với phần chia tài sản chung. Nợ chung bà S và ông Sử trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Phan Thanh Sử hiện đang trú tại: Số 83B/1, khu phố L, phường L1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về hôn nhân: Bà S và ông Sử trên cơ sở tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào 1993 tại UBND xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tại phiên tòa ông Sử cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, việc mâu thuẫn là do ông nóng tính nên khi bà S có lời lẽ không đúng nên ông mới đánh, ông không thường xuyên đánh bà S mà chỉ vài ba tháng một lần, khi vợ chồng cãi vã, đánh nhau cũng có lúc phải nhờ Công an tới giải quyết. Bà S yêu cầu ly hôn với ông Sử nhưng ông Sử không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà S. Tại phiên tòa ông Sử cũng không đưa ra được phương án nào để cải thiện tính nóng của mình cũng như cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà S và ông Sử đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, là những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận thì không phải chứng minh.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của bà S và ông Sử đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 thì đây là căn cứ để Hội đồng xét xử xét thấy cho ly hôn. Vì vậy, chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông Sử.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 14/7/2010, tạm thời không yêu cầu ông Sử cấp dưỡng nuôi cháu H1. Tại phiên tòa ông Phan Thanh Sử cũng đồng ý giao cháu H1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đồng thời, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ, nên giao cháu H1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Sử không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung:

1/ 01 căn nhà cấp 4 số diện tích 96m² (ngang 6m x 16m) gắn liền với quyền sử dụng đất tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở). Trị giá nhà đất khoảng 700.000.000đồng;

2/ Quyền sử dụng đất số 299, tờ bản đồ số 10, tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị lô đất khoảng 300.000.000đồng;

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng khoảng 1.000.000.000đồng.

Tại phiên tòa bà S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, bị đơn cũng đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phan Thanh Sử.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 14/7/2010 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phan Thanh Sử không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Phan Thanh Sử.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận và ông S cũng yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung. Trả lại tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung cho bà S. Các đương sự được quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về việc chia tài sản chung.

4. Nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 12.300.000đ tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo các phiếu thu số 0006758 và 0006759 ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Hoàn trả bà Nguyễn Thị S số tiền 12.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị S, ông Phan Thanh Sứ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Quảng Sơn, TX Ba Bồn, T. Quảng Bình (số ĐKKH 17/1993 ngày 03/4/1993);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải

